

Số: 90/TĐ-SXD

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2021

V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí

Kính gửi: Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ.

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 154/2021/TTr-NS ngày 15/4/2021 của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ “V/v thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí” kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 “Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng”; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 “Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng”;

Căn cứ hồ sơ gửi kèm Tờ trình thẩm định của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên công trình: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí.

2. Tên dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí.

3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, công trình dân dụng cấp III.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Quang Trung, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

5. Nguồn vốn: Vốn tự có và huy động hợp pháp khác của doanh nghiệp

(vốn khác).

6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng: Thiết kế áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành, cụ thể:

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2019/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 05:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06:2020/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn Việt Nam về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 3907:2011 Trường mầm non - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 10304:2014 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 7957:2008 Thoát nước, mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9257:2012 Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5673:2012 Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp thoát nước bên trong - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;

- TCVN 6379:1998 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 104:2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

- 22TCN 211:2006 Quy trình thiết kế áo đường mềm;

- TCVN 8700:2011 Công, bệ, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cấp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

7. Tổ chức tư vấn thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần tư vấn Phát triển hạ tầng Việt Nam IDC - hạng mục công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn thiết kế kiến trúc và cảnh quan B&B - hạng mục công trình cây xanh cảnh quan; Công ty cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thái An - hạng mục công trình Trạm xử lý nước thải; Công ty TNHH thiết kế Toàn Cầu R (Việt Nam) - hạng mục công trình nhà thấp tầng; Công ty cổ phần PIC HOLDINGS - hạng mục công trình Dịch vụ, Nhà trẻ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Thể thao.

8. Tổ chức khảo sát địa chất: Công ty cổ phần Xây dựng Đại Việt.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thành phố Uông Bí “V/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh “V/v công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND thành phố Uông Bí “V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh “V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;



- Văn bản số 183/CTN-KT ngày 27/01/2021 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh “V/v thỏa thuận cấp nước cho Dự án khu biệt thự Sông Ưông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh”.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế: Thuyết minh và thiết kế cơ sở, thuyết minh tính toán kết cấu; báo cáo khảo sát địa chất; hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt của UBND thành phố Uông Bí.

3. Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn thiết kế cơ sở, khảo sát địa chất:

- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000040; Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế kiến trúc và cảnh quan B&B, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAP-00045178; Công ty cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thái An, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00028510; Công ty TNHH thiết kế Toàn Cầu R (Việt Nam), chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001099; Công ty cổ phần PIC HOLDINGS, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00042700);

- Hồ sơ năng lực của đơn vị khảo sát địa chất: Công ty cổ phần Xây dựng Đại Việt, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số QNI-00020859;

- Các bản kê khai năng lực và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân là chủ trì thiết kế bộ môn: Công ty cổ phần tư vấn phát triển hạ tầng Việt Nam IDC (Bộ môn Giao thông, san nền: Ông Phạm Văn Ty, chứng chỉ hành nghề số HAN-00028647; Bộ môn Cấp thoát nước: Ông Bùi Anh Tuấn, chứng chỉ hành nghề số BXD-00077769; Bộ môn Cấp điện: Ông Vũ Văn Hoạch, chứng chỉ hành nghề số HAN-00014625); Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế kiến trúc và cảnh quan B&B (Bộ môn Hạ Tầng: Bà Vũ Thị Thanh Hoa, chứng chỉ hành nghề số BXD-00069952); Công ty cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thái An (Bộ môn Hạ tầng: Ông Nguyễn Sơn Tùng, chứng chỉ hành nghề số HAP-00097310; Bộ môn Kiến trúc: Bà Phạm Thị Thanh Thuận, chứng chỉ hành nghề số BXD-00007329; Bộ môn Kết cấu: Ông Phạm Hồng Thái, chứng chỉ hành nghề số BXD-00048511, Bộ môn Cấp điện: Ông Hoàng Thuyên, chứng chỉ hành nghề số BXD-00025609); Công ty TNHH thiết kế Toàn Cầu R (Việt Nam) (Bộ môn Kiến trúc: Ông Đặng Trần Huân, chứng chỉ hành nghề số BXD-00077858; Bộ môn Kết cấu: Ông Đỗ Hoàng Gia, chứng chỉ hành nghề số BXD-00066091; Bộ môn Cấp điện: Ông Phạm Tiến Chiến, chứng chỉ hành nghề số BXD-00030765; Bộ môn Cấp thoát nước: Bà Dương Thị Hương Trâm, chứng chỉ hành nghề số HAD-00081930); Công ty cổ phần PIC HOLDINGS (Bộ môn Kiến trúc: Ông Đỗ Ngọc Tân, chứng chỉ hành nghề số BXD-00021972; Bộ môn Kết cấu: Ông Hồ Việt Hùng, chứng chỉ hành nghề số BXD-00000817; Bộ môn Cấp điện: Ông Nguyễn Dương Quỳnh, chứng chỉ hành nghề số BXD-00019665; Bộ môn Cấp

- TCVN 5673:2012 Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp thoát nước bên trong - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;
- TCVN 6379:1998 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 104:2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- 22TCN 211:2006 Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- TCVN 8700:2011 Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cấp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

7. Tổ chức tư vấn thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần tư vấn Phát triển hạ tầng Việt Nam IDC - hạng mục công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn thiết kế kiến trúc và cảnh quan B&B - hạng mục công trình cây xanh cảnh quan; Công ty cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thái An - hạng mục công trình Trạm xử lý nước thải; Công ty TNHH thiết kế Toàn Cầu R (Việt Nam) - hạng mục công trình nhà thấp tầng; Công ty cổ phần PIC HOLDINGS - hạng mục công trình Dịch vụ, Nhà trẻ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Thể thao.

8. Tổ chức khảo sát địa chất: Công ty cổ phần Xây dựng Đại Việt.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thành phố Uông Bí “V/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh “V/v công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND thành phố Uông Bí “V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh “V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

thoát nước: Bà Trương Thị Tuấn Giang, chứng chỉ hành nghề số BXD-00019677);

- Các bản kê khai năng lực và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân là chủ trì khảo sát địa chất: Công ty cổ phần Xây dựng Đại Việt (Ông Bùi Văn Luật, chứng chỉ hành nghề số QNI-00018732).

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

Thiết kế công trình Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí theo điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 và Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND thành phố Uông Bí, chủ trương đầu tư được chấp thuận tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh; phương án thiết kế với các nội dung tóm tắt như sau:

1. San nền:

- San nền toàn bộ diện tích quy hoạch với hai khu:

+ Khu A (khu phía Đông sông Uông): Hướng dốc san nền chính từ Bắc về Nam và dốc ra phía sông Uông. Cao độ thiết kế cao nhất khoảng +6,95m nằm tại vị trí đầu nối với Quốc lộ 18A, cao độ thiết kế nhỏ nhất khoảng +3,5m nằm tại vị trí giáp sông Uông; độ dốc san nền trong lô đất lớn nhất 3%, nhỏ nhất 0,4% đảm bảo thoát nước tự nhiên trên bề mặt khu vực;

+ Khu B (khu phía Tây sông Uông): Hướng dốc san nền chính từ Bắc về Nam và dốc ra sông Uông. Cao độ thiết kế cao nhất khoảng +6,67m nằm gần vị trí đầu nối với Quốc lộ 18A, cao độ thiết kế nhỏ nhất khoảng +3,5m nằm tại vị trí giáp sông Uông, kênh làm mát Nhà máy nhiệt điện Uông Bí và khu vực giáp ranh giới quy hoạch phía Nam; độ dốc san nền trong lô đất lớn nhất 3%, nhỏ nhất 0,4% đảm bảo thoát nước tự nhiên trên bề mặt khu vực;

- Nền các lô đất được đầm chặt $K=0,85$, nền đường được đầm chặt $K=0,95$, xử lý vết bùn, vết hữu cơ dày trung bình khoảng 30cm ÷ 50cm trước khi đắp nền;

- Tổng khối lượng đắp đất khoảng $275.052m^3$ và tổng khối lượng đào đất khoảng $21.264m^3$ (chưa gồm vết hữu cơ).

2. Kè ộp mái sông:

- Xây dựng 02 tuyến kè ộp mái giáp sông Uông (gồm tuyến kè K01 phía Đông sông Uông, tuyến kè K02 phía Tây sông Uông). Tuyến Kè ộp mái K01 có tổng chiều dài khoảng 455,37 m, tuyến kè ộp mái K02 có tổng chiều dài khoảng 175,86 m;

- Kết cấu kè ộp mái: Thân kè ộp bằng viên Block kết cấu BTCT mác 200 đá 1x2 dày 10cm, đặt trên lớp đá dăm lót đá 2x4 dày 150mm và lớp vải địa kỹ

thuật; chân khay được làm bằng BTCT đá 1x2 mác 250, dưới chân khay là lớp bê tông lót mác 150 đá 2x4 dày 10cm và lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, nền gia cố bằng đóng cọc tre mật độ 25 cọc/m², chống xói chân khay bằng đá hộc; kè được chia khoang bằng các dầm dọc và dầm ngang BTCT mác 250 đá 1x2, có bố trí các khe co giãn cho thân kè; thân kè bố trí tầng lọc ngược với khoảng cách đều 2m/tầng lọc.

3. Giao thông:

- Hệ thống giao thông trong dự án theo quy hoạch được duyệt, trong đó:

+ Mặt cắt 2-2 (tuyến đường D10, áp dụng cho tuyến đường đầu nối chính ra QL 18A tại khu A): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; bề rộng giải phân cách $B_{\text{pc}} = 10\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$; đầu tư xây dựng tuyến đường trên theo ranh giới quy hoạch được phê duyệt (ranh giới thực hiện dự án là 1/2 dọc tuyến đường);

+ Mặt cắt 3-3 (đường phân khu vực, áp dụng cho tuyến đường N2, N3, N8, D4, D7): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$;

+ Mặt cắt 4A-4A (đường khu vực, áp dụng cho tuyến đường D1 - giáp kênh làm mát Nhà máy nhiệt điện Uông Bí): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 4\text{m}$;

+ Mặt cắt 4B-4B (đường khu vực, áp dụng cho tuyến đường D1): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè phải $B_{\text{hè phải}} = 5\text{m}$; bề rộng vỉa hè trái phần làm mới $B_{\text{hè trái}} = 5\text{m}$; đoạn sát ranh giới về phía Bắc $B_{\text{hè trái}} = 0 \div 2,7\text{m}$;

+ Mặt cắt 5-5 (đường giao thông nội bộ, áp dụng cho tuyến đường D2, D3, D5, D6, D8, D9, N1, N4, N5, N6, N7, N9, N10, N13): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 2 \times 5,0\text{m} = 10\text{m}$;

+ Mặt cắt 6-6 (áp dụng cho tuyến đường N11, N12 đường giao thông hai bên mương thủy lợi khu A - Đông sông Uông): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 1\text{m} + 5\text{m} = 6\text{m}$;

+ Mặt cắt 7-7 (áp dụng cho tuyến đường D4 đường giao thông hai bên mương thủy lợi khu B - Tây sông Uông): Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 2 \times 5,25\text{m} = 10,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{\text{hè}} = 1\text{m} + 5\text{m} = 6\text{m}$;

- Kết cấu áo đường từ trên xuống gồm 02 loại kết cấu:

+ Loại 1 áp dụng với tuyến đường có mặt cắt ngang 2-2, 4A-4A, 4B-4B, các lớp từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², cấp phối đá dăm loại 1 dày 25cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 35cm, cấp phối đất đầm chặt $k=0,98$ dày 30cm, nền đầm chặt $k=0,95$;

+ Loại 2 áp dụng với tuyến đường có mặt cắt ngang còn lại, các lớp từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm, cấp phối đất đầm chặt k=0,98 dày 50cm, nền đầm chặt k=0,95;

- Via hè, viên via, đan rãnh:

+ Via hè: Kết cấu via hè từ trên xuống gồm các lớp Lát gạch Terrazzo tự phối màu dày 3,0cm, lớp bê tông mác 150 đá 2x4 dày 8cm, lớp nilon ngăn cách, nền đất đầm chặt k=0,95;

+ Viên bó via hè, giải phân cách: Sử dụng viên bó via BTXM mác 250 vát đúc sẵn kích thước 26x23x100cm trên đoạn thẳng, kích thước 26x23x50cm trên đoạn cong, lắp ghép viên bó via trên lớp móng BTXM mác 150 đá 2x4 dày 10cm. Bó via giải phân cách sử dụng viên bó via BTXM mác 250 đúc sẵn kích thước 18x42x100cm, lắp ghép viên bó via trên lớp móng BTXM đá 2x4 mác 150 dày 10cm; kết cấu bó hè bằng gạch xây vữa xi măng M75, lót móng BTXM mác 150 đá 2x4, trát hoàn thiện mặt lộ VXM M75;

+ Tấm đan rãnh tam giác bằng BTXM mác 250 đá 1x2 kích thước 30x50x5cm (đoạn thẳng) và 30x25x5cm (đoạn cong);

- Hồ trồng cây via hè: Kích thước hồ 120x120cm, bó góc cây xây gạch VXM mác 75 kích thước tiết diện 11x33cm, lót móng BTXM mác 150 đá 2x4 dày 10cm;

- Thiết kế cột biển báo, mũi tên chỉ hướng trên mặt đường, vạch sơn, hệ thống tổ chức giao thông cho các tuyến đường theo quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn Việt Nam về báo hiệu đường bộ;

- Cây xanh đường phố:

+ Trồng cây xanh trên via hè: Cây trồng tại các vị trí ranh giới giữa 2 lô đất, tránh các vị trí lối ra vào nhà, cơ quan,...; khoảng cách giữa các cây tùy vào từng phân khu nhà chia lô. Cây xanh đưa ra trồng đảm bảo chiều cao, đường kính tán và đường kính thân cây theo quy định; danh sách cây trồng chủ yếu gồm: Lim Xẹt (cao 6÷8m, đường kính thân là 0,25÷0,3m, đường kính tán 1÷2m), Lát Hoa (cao 3,5÷4,5m, đường kính thân là 0,15÷0,2m, đường kính tán 1÷2m), Bàng Đài Loan (cao 5÷6m, đường kính thân là 0,12÷0,15m, đường kính tán 1÷2m), Sang (cao 5÷6m, đường kính thân là 0,15÷0,2m, đường kính tán 1÷2m), Muồng Kim Phượng (cao 5÷6m, đường kính thân là 0,15÷0,2m, đường kính tán 1÷2m), Sau Sau (cao 5÷6m, đường kính thân là 0,15÷0,2m, đường kính tán 1÷2m),... và trồng cây Huỳnh Anh dưới chân bồn;

+ Trồng cây xanh trên dải phân cách: Dải phân cách thuộc dự án có chiều rộng 5m (ranh giới thực hiện dự án là ½ dọc tuyến đường, dải phân cách 10m); toàn bộ khu vực này trồng cỏ Lá Gừng.

4. Cấp nước:

Nguồn nước được đầu nối từ đường ống cấp nước của Thành phố ở tuyến đường phía Bắc dự án (gồm điểm đầu nguồn số 01 cho Khu vực phía Tây, điểm đầu nguồn số 02 cho Khu vực phía Đông). Hệ thống cấp nước sinh hoạt kết hợp chữa cháy sử dụng ống HDPE D160, D110,... bố trí dưới hè các tuyến đường quy hoạch và chôn ngầm đất, các ống cấp nước qua đường được đặt trong ống lồng thép (hoặc bản BTCT gia cố); dọc các tuyến ống bố trí các họng cứu hỏa với khoảng cách 100÷150m/họng; đối với các công trình, nước được cấp trực tiếp từ các tuyến ống phân phối chính thông qua tuyến ống HDPE D50,...; trên tuyến ống xây dựng hố van, van xả cạn, van xả khí, gói đỡ, lắp đặt van chặn, đồng hồ, trụ cứu hỏa, phụ kiện,... đồng bộ theo yêu cầu kỹ thuật.

5. Thoát nước:

- Thoát nước mưa: Thoát nước mưa hoạt động theo nguyên tắc tự chảy và độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu vào hệ thống ga thu trực tiếp đặt tại 02 bên mép đường sau đó đổ về các ga thăm, sau đó qua hệ thống cống thoát nước mưa đổ vào hệ thống cống hộp và xả ra sông Uông. Cống thoát nước sử dụng là cống tròn kích thước chủ yếu gồm các loại D600÷D1.500 bằng BTCT đá 1x2 mác 200, gói đỡ đúc sẵn bằng BTCT đá 2x4 mác 200; cống hộp khẩu độ B1.500,... bằng BTCT mác 200 đá 1x2. Hố ga, hố ga thu kết hợp ga thăm có thành xây gạch hoặc BTCT và đáy bằng BTCT đá 1x2 mác 200 dày 200, nắp gang đúc sẵn (hoặc vật liệu composite);

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải theo nguyên tắc tự chảy và độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải tại các công trình, căn hộ được xử lý bằng bể tự hoại rồi thu gom chảy vào hệ thống thoát nước trên vỉa hè, mạng lưới thoát nước thải bằng hệ thống ống uPVC chôn ngầm gom nước thải từ các hộ dân đầu ra ga nước thải trên hè và dẫn bằng cống chủ yếu sử dụng là D300,... bằng BTCT đá 1x2 mác 200 đúc sẵn, đưa về trạm xử lý nước thải; dọc tuyến cống bố trí hố ga thăm với khoảng cách trung bình 30m/hố, hố ga kích thước ngoài kích thước 1400x1400xH,... thành hố ga xây gạch vữa xi măng mác 75 dày 220 hoặc bằng BTCT mác 200 đá 1x2, đáy hố ga bằng BT mác 200 đá 1x2 dày 200, nắp hố ga sử dụng tấm đan BTCT mác 250 đá 1x2 dày 80. Trạm xử lý nước thải theo quy hoạch được phê duyệt với công suất khoảng 400m³/ngày đêm được bố trí tại vị trí phía Nam khu B dự án, Trạm xử lý nước thải với công suất khoảng 300m³/ngày đêm được bố trí tại vị trí phía Nam khu A dự án; các công trình mỗi trạm xử lý nước thải gồm: Bể thu gom (có song chắn rác), bể điều hòa (có lắng cát), bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể chứa bùn, bể khử trùng,... máy thổi khí, thiết bị châm hóa chất, nhà điều hành; trạm xử lý nước thải xử lý nước thải phải đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn nước theo QCVN 14:2008/BTNMT.

6. Thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc nằm dưới vỉa hè hai bên đường bao gồm phần ống và hố ga phục vụ luân cấp từ trạm thông tin tới các tủ phân phối tới các hộ dân;

- Các tuyến cáp trục chính sử dụng ống uPVC D110 chôn ngầm và hệ thống hố ga;

- Các tuyến cáp trục nhánh chõ vào hộ dân sử dụng ống D50/40 chôn ngầm trực tiếp trong đất, tuyến trục nhánh dùng hệ thống cống bê tông gồm hệ thống 1 ống nhựa luân cấp và hệ thống hố ga;

- Hố ga cáp được bố trí với khoảng cách 50÷100m/hố ga; kết cấu hố ga xây gạch vữa XM mác 75, đáy ga BTXM đá 1x2 mác 150 dày 150, nắp ga BTCT đá 1x2 mác 250 dày 12cm, giá đỡ nắp đậy gắn viền mép ga sử dụng thép hình L75x75x8 và mép tấm đan bằng thép hình L70x70x5.

7. Cảnh quan cây xanh:

Phương án thiết kế trồng cây xanh tại ô đất theo chức năng, giải pháp thiết kế trồng cây đồng thời bố trí đường dạo, lối đi, điểm nhấn,... xen kẽ với cây xanh tạo cảnh quan chung, đảm bảo mỹ quan, kiến trúc đô thị; tóm tắt giải pháp như sau:

7.1. Cảnh quan cây xanh ven sông (khu A):

- Vị trí trồng cây xanh tại các ô đất ven sông, ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là ô CX-01 (diện tích ô đất khoảng 8.415,8m²), ô CX-02 (diện tích ô đất khoảng 2.765,58m²), ô CX-03 (diện tích ô đất khoảng 1.239,61m²);

- Các loại cây trồng:

+ Cây bóng mát: Muồng Kim Phụng (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Muồng Hoàng Yến (đường kính thân 15÷20cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Ngọc Kỳ Lân (đường kính thân 12÷15cm, cao 4÷5m, đường kính tán 1÷2m), Bàng Đài Loan (đường kính thân 12÷15cm, cao 4÷5m, đường kính tán 1÷2m); Sau Sau (đường kính thân 15÷20cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Sang loại 1 (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m), Sang loại 2 (đường kính thân 20÷25cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Osaka Đỏ loại 1 (đường kính thân 12÷15cm, cao 4÷5m, đường kính tán 1÷2m), Osaka Đỏ loại 2 (đường kính thân 15÷20cm, cao 4÷5m, đường kính tán 1÷2m); Lát Hoa (đường kính thân 15÷20cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m);...

+ Cây tầm trung - cây bụi: Hồng Mai (cao 1÷1.5m); Ngâu Tròn (cao 0,8÷1m); Muồng Lá Lạc (cao 2÷3m);

+ Cây thảm bụi: Cỏ Lá Gừng.

7.2. Cảnh quan cây xanh chống cháy lan (khu A và khu B):

- Vị trí trồng cây xanh tại các ô đất chống cháy lan, ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là:

+ Khu A: Ô CX-04 (diện tích ô đất khoảng 357m^2), ô CX-05 (diện tích ô đất khoảng 357m^2), ô CX-06 (diện tích ô đất khoảng 357m^2), ô CX-07 (diện tích ô đất khoảng 144m^2), ô CX-08 (diện tích ô đất khoảng 160m^2), ô CX-09 (diện tích ô đất khoảng 160m^2), ô CX-10 (diện tích ô đất khoảng $213,6\text{m}^2$), ô CX-11 (diện tích ô đất khoảng $213,54\text{m}^2$);

+ Khu B: Ô CX-14 (diện tích ô đất khoảng $212,1\text{m}^2$), ô CX-15 (diện tích ô đất khoảng $203,5\text{m}^2$), ô CX-16 (diện tích ô đất khoảng 310m^2), ô CX-17 (diện tích ô đất khoảng 168m^2), ô CX-18 (diện tích ô đất khoảng $176,28\text{m}^2$), ô CX-19 (diện tích ô đất khoảng 152m^2), ô CX-20 (diện tích ô đất khoảng $159,48\text{m}^2$), ô CX-21 (diện tích ô đất khoảng $152,0\text{m}^2$), ô CX-22 (diện tích ô đất khoảng $152,0\text{m}^2$), ô CX-23 (diện tích ô đất khoảng $299,860\text{m}^2$), ô CX-24 (diện tích ô đất khoảng $160,0\text{m}^2$), ô CX-25 (diện tích ô đất khoảng $160,0\text{m}^2$), ô CX-26 (diện tích ô đất khoảng $315,64\text{m}^2$);

- Các loại cây trồng:

+ Ô CX-04, CX-05, CX-06: Bạch Trinh Biển (cao $0,2\div 0,4\text{m}$, mật độ 25 cây/ m^2); Ngọc Bút (cao $0,3\div 0,5\text{m}$, mật độ 12 cây/ m^2);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng;

+ Ô CX-07, CX-08, CX-09, CX-10, CX-11, CX-14, CX-15: Bạch Trinh Biển (cao $0,2\div 0,4\text{m}$, mật độ 25 cây/ m^2); Ngọc Bút (cao $0,3\div 0,5\text{m}$, mật độ 12 cây/ m^2);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng;

+ Ô CX-16: Bạch Trinh Biển (cao $0,2\div 0,4\text{m}$, mật độ 25 cây/ m^2); Ngọc Bút (cao $0,3\div 0,5\text{m}$, mật độ 12 cây/ m^2);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng;

+ Ô CX-17, CX-18, CX-19, CX-20, CX-21, CX-22, CX-23, CX-24, CX-25, CX-26: Bạch Trinh Biển (cao $0,2\div 0,4\text{m}$, mật độ 25 cây/ m^2); Ngọc Bút (cao $0,3\div 0,5\text{m}$, mật độ 12 cây/ m^2);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng.

7.3. Cảnh quan cây xanh mương thủy lợi, cây xanh ven sông - khu B:

- Vị trí trồng cây xanh tại các ô đất cây xanh mương thủy lợi, cây xanh ven sông và kênh làm mát (khu B), ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là:

+ Ô đất cây xanh mương thủy lợi: Ô MTL-01 (diện tích ô đất khoảng $2.567,9\text{m}^2$), ô MTL-02 (diện tích ô đất khoảng $1.380,2\text{m}^2$);

+ Ô đất cây xanh ven sông và kênh làm mát (khu B): Ô CX-27 (diện tích ô đất khoảng $493,18\text{m}^2$), ô CX-28 (diện tích ô đất khoảng $638,87\text{m}^2$), ô CX-29 (diện tích ô đất khoảng $465,25\text{m}^2$), ô CX-30 (diện tích ô đất khoảng $2.075,54\text{m}^2$);

- Các loại cây trồng:

+ Ô MTL-01, ô MTL-02: Cụm Ba Cây Cọ Lùn (cao 0,8÷1,0m); diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng;

+ Ô CX-27: Toàn bộ diện tích trồng Cỏ Lá Gừng;

+ Ô CX-28: Dâm Bụt Thái nhiều màu (cao 0,3÷0,5m, mật độ 12 cây/m²); Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 12 cây/m²); Ánh Dương (cao 0,2÷0,4m, mật độ 16 cây/m²);...

+ Ô CX-29: Dâm Bụt Thái nhiều màu (cao 0,2÷0,4m, mật độ 16 cây/m²); Ngọc Bút (cao 0,2÷0,4m, mật độ 16 cây/m²); Cô Tồng Lá Mít (cao 0,2÷0,3m, mật độ 16 cây/m²);...

+ Ô CX-30: Ngọc Bút (cao 0,2÷0,4m, mật độ 25 cây/m²).

7.4. Cảnh quan cây xanh Khu CV-01 và TD-01 (khu A):

- Vị trí trồng cây xanh khu công viên, sân chơi trẻ em ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là CV-01 (diện tích ô đất khoảng 2.419,57m²); vị trí trồng cây sân chơi thể dục, thể thao ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là TD-01 (diện tích ô đất khoảng 5.185,89m²);

- Các loại cây trồng:

+ Cây bóng mát: Sang (đường kính thân 20÷30cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Muồng Kim Phụng (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Muồng Hoàng Yến (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Sau Sau (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Sang (đường kính thân 12÷15cm, cao 4÷5m, đường kính tán 1÷2m); Osaka Đỏ (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m);...

+ Cây tầm trung - cây bụi: Tùng Tháp (cao 3÷4m); Muồng Lá Lạc (cao 2÷3m); Ngâu Tròn (0.8÷1m), Hồng Mai (1÷1,5m),...

+ Cây thảm - nền: Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 16 cây/m²); Huỳnh Anh (cao 0,3÷0,4m, mật độ 20 cây/m²); Bạch Trinh Biển (cao 0,2÷0,4m, mật độ 25 cây/m²); Cô Tồng Lá Mít (cao 0,2÷0,4m, mật độ 20 cây/m²); Chuối Hoa (cao 0,4÷0,6m, mật độ 16 cây/m²);... diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng.

7.5. Cảnh quan cây xanh Khu CX-13 và TD-02 (khu B):

- Vị trí trồng cây xanh cảnh quan, vườn hoa ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là CX-13 (diện tích ô đất khoảng 2.306,85m²); vị trí trồng cây sân chơi thể dục, thể thao ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là TD-02 (diện tích ô đất khoảng 6.855,81m²);

- Các loại cây trồng:

+ Cây bóng mát: Muồng Hoàng Yến (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Bàng Đài Loan (đường kính thân 12÷15cm, cao

+ Cây thảm - nền: Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 16 cây/m²); Bạch Trinh Biên (cao 0,2÷0,4m, mật độ 25 cây/m²); Huỳnh Anh (cao 0,3÷0,4m, mật

4÷5m, đường kính tán 1÷2m); Sau Sau (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Osaka Đỏ (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m);...

+ Cây tầm trung - cây bụi: Muồng Lá Lạc (cao 2÷3m); Hồng Mai (cao 1÷1,5m); Tùng Tháp (cao 1÷2m);...

+ Cây thảm - nền: Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 12 cây/m²); Bạch Trinh Biên (cao 0,2÷0,4m, mật độ 25 cây/m²); Huỳnh Anh (cao 0,3÷0,4m, mật độ 16 cây/m²); Cô Tòng Lá Mít (cao 0,2÷0,4m, mật độ 16 cây/m²); Chuối hoa (cao 0,4÷0,6m, mật độ 16 cây/m²);..., diện tích còn lại trồng Cỏ lá gừng.

7.6. Cảnh quan cây xanh Khu CV-02 (khu B):

- Vị trí trồng cây xanh khu công viên, sân chơi trẻ em ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là CV-02 (diện tích ô đất khoảng 1.966,35m²);

- Các loại cây trồng:

+ Cây bóng mát: Sang (đường kính thân 20÷25cm, cao 6÷8m, đường kính tán 1÷2m); Muồng Kim Phượng (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Sau Sau (đường kính thân 15÷20cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Osaka Đỏ (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m); Ngọc Kỳ Lân (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m); Lộc Vùng (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m);...

+ Cây tầm trung - cây bụi: Muồng Lá Lạc (cao 2÷3m); Tùng Tháp (cao 1÷2m); Ngẫu Tròn (cao 0,8÷1m); Hồng Mai (cao 1÷1,5m);...

+ Cây thảm - nền: Bạch Trinh Biên (cao 0,2÷0,4m, mật độ 20 cây/m²); Huỳnh anh (cao 0,3÷0,5m, mật độ 16 cây/m²); Cô Tòng Lá Mít (cao 0,2÷0,4m, mật độ 20 cây/m²); Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 12 cây/m²); Chuối Hoa (cao 0,4÷0,6m, mật độ 16 cây/m²);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng.

7.7. Cảnh quan cây xanh Khu CX-12 (khu B):

- Vị trí trồng cây xanh cảnh quan, vườn hoa ký hiệu theo Quy hoạch chi tiết là ô CX-12 (diện tích ô đất khoảng 747,05m²);

- Các loại cây trồng:

+ Cây bóng mát: Sang (đường kính thân 20÷25cm, cao 6÷8m, đường kính tán 1÷2m); Sau Sau (đường kính thân 12÷15cm, cao 5÷6m, đường kính tán 1÷2m); Bàng Đài Loan (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m); Osaka Đỏ (đường kính thân 12÷15cm, cao 3,5÷4,5m, đường kính tán 1÷2m);...

+ Cây tầm trung - cây bụi: Ngẫu Tròn (cao 0,8÷1m); Tùng Tháp (cao 1÷2m); Hồng Mai (cao 1,5÷2m);...

+ Cây thảm - nền: Ngọc Bút (cao 0,3÷0,5m, mật độ 16 cây/m²); Bạch Trinh Biển (cao 0,2÷0,4m, mật độ 25 cây/m²); Huỳnh Anh (cao 0,3÷0,4m, mật độ 20 cây/m²); Cô Tòng Lá Mít (cao 0,2÷0,4m, mật độ 16 cây/m²); Chuối Hoa (cao 0,4÷0,6m, mật độ 16 cây/m²);..., diện tích còn lại trồng Cỏ Lá Gừng.

8. Nhà ở thấp tầng:

8.1. Tổng mặt bằng dự án:

Tổng mặt bằng xây dựng lập theo bản đồ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 phê duyệt tại Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thành phố Uông Bí và Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND thành phố Uông Bí; giải pháp thiết kế gồm 538 căn Nhà ở biệt thự (khu A: gồm 213 căn Biệt thự liên lập (ký hiệu trên bản đồ Quy hoạch từ Lô DO-01 đến DO-15) và 44 căn Biệt thự đơn lập (ký hiệu trên bản đồ Quy hoạch từ Lô DO-16 đến DO-17); Khu B: gồm 257 căn Biệt thự liên lập (ký hiệu trên bản đồ Quy hoạch từ Lô DO-18 đến DO-35) và 24 căn Biệt thự đơn lập (ký hiệu trên bản đồ Quy hoạch từ Lô DO-36 đến DO-37)); tổng diện tích khu đất xây dựng khu Nhà ở biệt thự khoảng 90.429,42 m², mật độ xây dựng của mỗi ô đất khoảng từ 69,5%÷72%.

8.2. Thiết kế Kiến trúc:

a. Nhà ở biệt thự liên lập:

Tổng số 470 căn, mỗi căn nhà có quy mô 03 tầng + 01 tầng mái (tum), cốt nền tầng 01 cao hơn cao độ vỉa hè hoàn thiện theo quy hoạch là 0,45m; chiều cao tầng 1 là 3,9m, tầng 2÷3 là 3,3m/tầng, tầng mái (tum) cao 3,3 m; chiều cao công trình (tính từ vỉa hè hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 14,65m; gồm các mẫu thiết kế như sau:

- Căn mẫu M1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 31 căn (08 căn tại lô DO-08, 08 căn tại lô DO-09, 08 căn tại lô DO-10, 07 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 80,17m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 82,68m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 82,07m², diện tích sàn tầng mái khoảng 55,49m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 300,41m²;

- Căn mẫu M1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3

gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 31 căn (08 căn tại lô DO-08, 08 căn tại lô DO-09, 08 căn tại lô DO-10, 07 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $80,17m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $82,68m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $82,07m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $55,49m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $300,41m^2$;

- Căn mẫu M1C:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-08, 01 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $77,69m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $80,51m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $79,59m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $53,71m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $291,50m^2$;

- Căn mẫu M1C':

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-08, 01 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 là $77,69m^2$, diện tích sàn tầng 2 là $80,51m^2$, diện tích sàn tầng 3 là $79,59m^2$, diện tích sàn tầng mái là $53,71m^2$, tổng diện tích sàn công trình là $291,50m^2$;

- Căn mẫu M2-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 11 căn (05 căn tại lô DO-01, 06 căn tại lô DO-02): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $92,58m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $95,98m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $94,59m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $74,03m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $357,45m^2$;

- Căn mẫu M2-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 11 căn (05 căn tại lô DO-01, 06 căn tại lô DO-02): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $92,58m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $95,98m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $94,59m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $74,03m^2$, tổng diện tích sàn công trình là $357,45m^2$;

- Căn mẫu M2-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ + Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 33 căn (06 căn tại lô DO-03, 06 căn tại lô DO-06, 05 căn tại lô DO-12, 06 căn tại lô DO-13, 06 căn tại lô DO-14, 04 căn tại lô DO-15): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $100,32m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $103,45m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $102,03m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $64,38m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $370,18m^2$;

- Căn mẫu M2-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ + Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 41 căn (06 căn tại lô DO-04, 06 căn tại lô DO-05, 08 căn tại lô DO-07, 05 căn tại lô DO-12, 06 căn tại lô DO-13, 06 căn tại lô DO-14, 04 căn tại lô DO-15): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $100,32m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $103,45m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $102,03m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $64,38m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $370,18m^2$;

- Căn mẫu M2-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 20 căn (03 căn tại lô DO-03, 06 căn tại lô DO-04, 03 căn tại lô DO-05, 08 căn tại lô DO-07): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $115,26m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $118,39m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $116,97m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $87,50m^2$, tổng diện tích sàn công trình là $438,12m^2$;

Căn mẫu M2-3B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (03 căn tại lô DO-06): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $115,26m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $118,39m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $116,97m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $87,50m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $438,12m^2$;

- Căn mẫu M3-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-9, 01 căn tại lô DO-10): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $79,25m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $85,80m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $81,36m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $80m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $326,41m^2$;

- Căn mẫu M3-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-9, 01 căn tại lô DO-10): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $79,25m^2$, diện tích sàn tầng 2 là $85,80m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $81,36m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $80m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $326,41m^2$;

- Căn mẫu M3-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn

và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-13, 01 căn tại lô DO-14): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $119,55\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $128,99\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $125,17\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $101,56\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $475,27\text{m}^2$;

- Căn mẫu M3-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (01 căn tại lô DO-13, 01 căn tại lô DO-14, 01 căn tại lô DO-07): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $119,55\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $128,99\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $125,17\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $101,56\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $475,27\text{m}^2$;

- Căn mẫu M3-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-07): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $135,55\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $145,40\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $141,38\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $118,24\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $540,57\text{m}^2$;

- Căn mẫu M3-4:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-01): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $110,15\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $119,29\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $115,44\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $96,57\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $441,45\text{m}^2$;

- Căn mẫu M3-4B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-01): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $110,15\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $119,29\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $115,44\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $96,57\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $441,45\text{m}^2$;

- Căn mẫu M4-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (01 căn tại lô DO-03, 01 căn tại lô DO-05, 01 căn tại lô DO-06): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $116,19\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $126,56\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $120,89\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $98,62\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $462,26\text{m}^2$;

- Căn mẫu M4-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (01 căn tại lô DO-03, 01 căn tại lô DO-05, 01 căn tại lô DO-06): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $116,19\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $126,56\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $120,89\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $98,62\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $462,26\text{m}^2$;

- Căn mẫu M4-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-02): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $116,36\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $126,3\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $120,95\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $98,25\text{m}^2$, tổng diện tích sàn

công trình khoảng 461,86m²;

- Căn mẫu M4-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-02): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 116,36m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 126,3m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 120,95m², diện tích sàn tầng mái khoảng 98,25m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 461,86m²;

- Căn mẫu M5-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 115,42m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 122,87m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 118,39m², diện tích sàn tầng mái khoảng 104,90m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 461,58m²;

- Căn mẫu M5-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 104,85m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 113,33m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 108,96m², diện tích sàn tầng mái khoảng 95,52m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 422,66m²;

- Căn mẫu M5-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm 02 Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-12): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 135,64m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 145,2m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 141,19m², diện tích sàn tầng mái khoảng 119,76m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 541,79m²;

- Căn mẫu M5-4:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm 02 Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-15): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 141,79m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 151,41m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 147,26m², diện tích sàn tầng mái khoảng 125,26m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 565,72m²;

Căn mẫu M6-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-08): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 78,06m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 85,25m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 80,62m², diện tích sàn tầng mái khoảng 80,11m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 324,04m²;

Căn mẫu M6-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-11): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 76,33m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 78,39m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 78,34m², diện tích sàn tầng mái khoảng 76,92m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 309,98m²;

Căn mẫu M6-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ, Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3

gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Khu vệ sinh, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-12): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $100,55\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $109,21\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $103,75\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $75,12\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $388,63\text{m}^2$

- Căn mẫu M6-4:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ, Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Khu vệ sinh, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-15): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $106,89\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $115,82\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $110,09\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $78,22\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $411,02\text{m}^2$;

- Căn mẫu M7:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ, Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Phòng ngủ, Khu vệ sinh, Sân phơi; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Tổng số gồm 09 căn (03 căn tại lô DO-25, 03 căn tại lô DO-28, 03 căn tại lô DO-31): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $80,58\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $83,46\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $82,26\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $72,86\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $319,16\text{m}^2$.

- Căn mẫu M8-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ + Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 40 căn (05 căn tại lô DO-25, 07 căn tại lô DO-26, 05 căn tại lô DO-27, 05 căn tại lô DO-28, 07 căn tại lô DO-29, 07 căn tại lô DO-30, 04 căn tại lô DO-31): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $93,22\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $96,68\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $95,01\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $57,40\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình là $342,21\text{m}^2$;

- Căn mẫu M8-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ + Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 40 căn (05 căn tại lô DO-25, 07 căn tại lô DO-26, 05 căn tại lô DO-27, 05 căn tại lô DO-28, 07 căn tại lô DO-29, 07 căn tại lô DO-30, 04 căn tại lô DO-31): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $93,22m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $96,68m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $95,01m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $57,40m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $342,21m^2$;

- Căn mẫu M8-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 30 căn (07 căn tại lô DO-32, 07 căn tại lô DO-33, 07 căn tại lô DO-34, 06 căn tại lô DO-35, 01 căn tại lô DO-21, 02 căn tại lô DO-22): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $100,72m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $104,19m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $102,51m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $75,55m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $382,97m^2$;

- Căn mẫu M8-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 28 căn (06 căn tại lô DO-32, 07 căn tại lô DO-33, 07 căn tại lô DO-34, 05 căn tại lô DO-35, 02 căn tại lô DO-21, 01 căn tại lô DO-22): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $100,72m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $104,19m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $102,51m^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $75,55m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $382,97m^2$;

- Căn mẫu M8-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông

thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 45 căn (07 căn tại lô DO-18, 08 căn tại lô DO-19, 06 căn tại lô DO-20, 07 căn tại lô DO-21, 05 căn tại lô DO-22, 07 căn tại lô DO-23, 05 căn tại lô DO-24): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $108,22\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $111,68\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $110,01\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $79,73\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $409,64\text{m}^2$;

- Căn mẫu M8-3B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, Kho và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 45 căn (07 căn tại lô DO-18, 08 căn tại lô DO-19, 06 căn tại lô DO-20, 07 căn tại lô DO-21, 05 căn tại lô DO-22, 07 căn tại lô DO-23, 05 căn tại lô DO-24): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $108,22\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $111,68\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $110,01\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $79,73\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $409,64\text{m}^2$;

- Căn mẫu M9-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-27): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $79,07\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $84,87\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $84,87\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $55,55\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $304,36\text{m}^2$;

- Căn mẫu M9-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-27): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $79,07\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $84,87\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $84,87\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $55,55\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $304,36\text{m}^2$;

- Căn mẫu M9-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-24): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 92,95m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 99,40m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 99,40m², diện tích sàn tầng mái khoảng 62,60m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 354,35m²;

- Căn mẫu M9-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-24): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 92,95m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 99,40m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 99,40m², diện tích sàn tầng mái khoảng 62,60m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 354,35m²;

- Căn mẫu M10-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-21, 01 căn tại lô DO-22): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 116,45m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 122,69m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 122,69m², diện tích sàn tầng mái khoảng 104,79m², tổng diện tích sàn công trình là 466,62m²;

- Căn mẫu M10-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-21, 01 căn tại lô DO-22): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 116,45m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 122,69m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 122,69m², diện tích sàn tầng mái khoảng

104,79m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 466,62m²;

- Căn mẫu M10-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (01 căn tại lô DO-25, 01 căn tại lô DO-28, 01 căn tại lô DO-31): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 119,80m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 126,07m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 126,07m², diện tích sàn tầng mái khoảng 107,03m², tổng diện tích sàn công trình là 478,97m²;

- Căn mẫu M10-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng ngủ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 03 căn (01 căn tại lô DO-25, 01 căn tại lô DO-28, 01 căn tại lô DO-31): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 119,80m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 126,07m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 126,07m², diện tích sàn tầng mái khoảng 107,03m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 478,97m²;

- Căn mẫu M10-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-32, 01 căn tại lô DO-35): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 103,02m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 109,28m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 109,28m², diện tích sàn tầng mái khoảng 92,70m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 414,28m²;

- Căn mẫu M10-3B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-32, 01 căn tại lô DO-35): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $103,02\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $109,28\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $109,28\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $92,70\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $414,28\text{m}^2$;

- Căn mẫu M11:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-18): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $111,53\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $117,54\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $117,54\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $77,98\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $424,59\text{m}^2$;

- Căn mẫu M12:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Không gian đa năng, khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng khách, Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 3 gồm 02 Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), Phòng ngủ nhỏ và Khu vệ sinh; tầng mái gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-18): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $146,88\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $154,08\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $154,08\text{m}^2$, diện tích sàn tầng mái khoảng $103,53\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $558,57\text{m}^2$;

b. Nhà ở biệt thự đơn lập:

Tổng số 68 căn, mỗi căn nhà có quy mô 03 tầng, cốt nền tầng 01 cao hơn cao độ vỉa hè hoàn thiện theo quy hoạch là $0,45\text{m}$; chiều cao tầng 1 là $3,9\text{m}$, tầng 2÷3 là $3,3\text{m}/\text{tầng}$; chiều cao công trình (tính từ vỉa hè hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là $11,95\text{m}$; gồm các mẫu như sau:

- Căn mẫu BT1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Sân, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng sinh hoạt chung, Phòng thờ, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 18 căn (08 căn tại lô DO-16, 10 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $122,12\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $141,85\text{m}^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $139,56\text{m}^2$, tổng diện tích sàn công trình

khoảng 403,53m²;

- Căn mẫu BT1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Sảnh, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng sinh hoạt chung, Phòng thờ, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 18 căn (08 căn tại lô DO-16, 10 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 122,12m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 141,85m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 139,56m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 403,53m².

- Căn mẫu BT2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 129,03m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 150,99m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 135,09m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 415,11m²;

- Căn mẫu BT2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 129,03m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 150,99m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 135,09m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 415,11m²;

- Căn mẫu BT3-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-16, 01 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 169,82m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 187,00m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 181,78m², tổng diện tích sàn công trình

khoảng 538,60m²;

- Căn mẫu BT3-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-16): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 169,82m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 187,00m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 181,78m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 538,60m²;

- Căn mẫu BT4-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-16, 01 căn tại lô DO-17): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 128,76m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 151,00m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 135,11m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 414,87m²;

- Căn mẫu BT4-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-16): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 128,76m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 151,00m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 135,11m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 414,87m²;

- Căn mẫu BT5-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Sảnh, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 08 căn (04 căn tại lô DO-36, 04 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 113,70m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 125,18m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 112,62m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 351,50m²;

- Căn mẫu BT5-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Sảnh, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng sinh hoạt chung, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 08 căn (04 căn tại lô DO-36, 04 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $113,70m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $125,18m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $112,62m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $351,50m^2$;

- Căn mẫu BT5-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-36): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $135,40m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $146,11m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $134,95m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $416,46m^2$;

- Căn mẫu BT5-3:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-36): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $135,40m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $143,91m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $134,95m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $414,26m^2$;

- Căn mẫu BT6-1:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng $143,09m^2$, diện tích sàn tầng 2 khoảng $153,50m^2$, diện tích sàn tầng 3 khoảng $140,30m^2$, tổng diện tích sàn công trình khoảng $436,89m^2$;

- Căn mẫu BT6-1B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ,

Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 01 căn (01 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 143,09m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 153,50m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 140,30m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 436,89m²;

- Căn mẫu BT6-2:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-36, 01 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 142,30m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 152,66m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 143,74m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 438,70m²;

- Căn mẫu BT6-2B:

+ Mỗi căn thiết kế bố trí tầng 1 gồm Gara, Phòng khách, Phòng ngủ, Phòng bếp + ăn và khu vệ sinh; tầng 2 gồm Phòng ngủ lớn (vệ sinh liền phòng), 02 Phòng ngủ nhỏ, Phòng sinh hoạt chung và khu vệ sinh; tầng 3 gồm Phòng thờ, Phòng đa năng, Phòng tập gym, Sân phơi và Khu vệ sinh; giao thông thiết kế 01 cầu thang bộ;

+ Gồm 02 căn (01 căn tại lô DO-36, 01 căn tại lô DO-37): Mỗi căn có diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 142,30m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 152,66m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 143,74m², tổng diện tích sàn công trình khoảng 438,70m².

8.3. Thiết kế Kết cấu:

a. Nhà ở biệt thự liên lập:

- Kết cấu móng: Tùy theo địa chất mỗi khu vực đặt công trình, thiết kế kết cấu móng sử dụng móng cọc BTCT ly tâm dự ứng lực, bê tông cọc đá 1x2 mác 300, đường kính cọc D300, sức chịu tải tính toán cọc đơn dự kiến khoảng 50T; đài cọc BTCT đá 1x2 mác 250, kích thước đài là 1.700x900, 2.600x900,... cao 700; giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250, kích thước 300x600,...; hoặc móng băng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 250; chiều rộng đáy móng băng là 1.000, 1.200,...; cổ cột kích thước tiết diện 220x300, 220x400, 220x500....; bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100;

- Kết cấu phần thân: Kết cấu phần thân của mỗi công trình: Sử dụng hệ

khung (cột, dầm), sàn BTCT đổ toàn khối đá 1x2, mác 250; kích thước cấu kiện cơ bản: cột tiết diện 220x400, 220x300,...; dầm tiết diện 220x400, 220x500, 150x400; sàn dày 130,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75, dày 110, 220,...;

b. Nhà ở biệt đơn lập:

- Kết cấu móng: Thiết kế kết cấu móng sử dụng móng băng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 250; chiều rộng đáy móng băng là 1.200, 1.000,...; cổ cột kích thước tiết diện 220x400, 220x300, 220x220,...; bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100;

- Kết cấu phần thân: Kết cấu phần thân của công trình sử dụng hệ khung (cột, dầm), sàn BTCT đổ toàn khối đá 1x2, mác 250; kích thước cấu kiện cơ bản: cột tiết diện 220x220, 220x300, 220x400,...; dầm tiết diện 220x400, 220x300, 150x400,...; sàn dày 130,...; tường xây gạch vữa XM mác 75, dày 110, 220,...;

8.4. Thiết kế hoàn thiện:

- Xây thô, hoàn thiện mặt ngoài công trình, cụ thể phương án thiết kế hoàn thiện mặt ngoài trát vữa xi măng mác 75, sơn màu theo chỉ định ngoài nhà, kết hợp các mảng màu để đáp ứng yêu cầu kiến trúc; đắp các chi tiết gờ phào trang trí sơn màu; tường sơn màu kết hợp sơn ngoại thất màu chỉ định theo thiết kế; bậc tam cấp, sảnh ốp, lát đá Granite; ban công, lô gia lát gạch chống trơn KT 300x300; lan can kính cường lực hoặc lan can sắt đặc sơn tĩnh điện đối với biệt thự đơn lập; cửa đi chính tầng 1 và cửa ra ban công các tầng, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm kính an toàn; lan can sắt đặc sơn tĩnh điện đối với biệt thự liên lập;

- Công tác hoàn thiện trong nhà do nhà đầu tư thứ cấp thực hiện theo yêu cầu sử dụng.

8.5. Thiết kế cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ mạng lưới cấp điện của dự án cấp vào tủ điện tổng (đặt tại tầng 1) qua hệ thống cáp điện ngầm được luồn ống HDPE đi ngầm dưới đất;

- Toàn bộ hệ thống điện, điện nhẹ trong nhà do nhà đầu tư thứ cấp thực hiện theo yêu cầu sử dụng.

8.6. Thiết kế cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ mạng lưới cấp nước chung của dự án vào 01 bể nước sạch của mỗi căn hộ qua hệ thống đường ống HDPE đường kính D50 chôn ngầm (chưa thiết kế bể nước sạch tại mỗi công trình);

- Thoát nước: Nước trên mái, ban công được thu gom và thoát theo các ống đứng có đường kính D75÷D90 xuống hệ thống thoát nước chung của dự án; nước thải từ chậu xí, tiểu thu gom qua đường ống PVC D110 được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát ra mạng thoát nước chung của dự án (chưa có thiết kế tự hoại tại mỗi công trình).

- Toàn bộ hệ thống cấp, thoát nước trong nhà do nhà đầu tư thứ cấp thực hiện theo yêu cầu sử dụng.

8.7. Cổng, hàng rào, sân: Chưa có thiết kế cơ sở hạng mục cổng, hàng rào, sân đối với mỗi công trình.

9. Công trình dịch vụ nhà hàng (DV1):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 05 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; chiều cao các tầng: tầng 1 cao 4,2m, tầng 2 ÷ tầng 3 cao 3,9m/tầng, tầng 4 ÷ tầng 5 cao 3,6m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 21,15m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 1.383,96 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 1.423,55 m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 1.390,78 m², diện tích sàn tầng 4 khoảng 1.389,58 m², diện tích sàn tầng 5 khoảng 1.389,58 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 6.977,45 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang bộ, 01 thang cuốn và 03 thang máy; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; khu gian hàng; khu nhập hàng; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí khu nhà hàng; khu bếp; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 3: Thiết kế bố trí khu nhà hàng; khu bếp; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 4: Thiết kế bố trí khu dịch vụ - thương mại; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 5: Thiết kế bố trí khu cafe ngoài trời; phụ trợ; kỹ thuật;...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng phương án cọc ép, cọc bê tông ly tâm kích thước tiết diện cọc là D400, cọc BTCT mác 300 đá 1x2; đài cọc BTCT mác 300 đá 1x2, kích thước đài móng là 2.100x2.100, 2.100x900,... cao 800; giằng móng BTCT mác 300 đá 1x2, kích thước tiết diện là 330x700,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương

pháp đồ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 500x500, 300x500,...; dầm tiết diện 300x500, 500x500,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 150,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo màu chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Vách thang máy ốp đá tự nhiên hoàn thiện, tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu âm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, cửa thép chống cháy sơn tĩnh điện theo yêu cầu kỹ thuật, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật tòa nhà (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

10. Công trình dịch vụ nhà hàng (DV2):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 05 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; chiều cao các tầng: tầng 1 cao 4,2m, tầng 2 ÷ tầng 5 cao 3,9m/tầng, tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 21,45m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 2.397,65 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 2.798,13 m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 2.873,75 m², diện tích sàn tầng 4 khoảng 2.942,06 m², diện tích sàn tầng 5 khoảng 2.815,79 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 13.827,38m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 03 cầu thang bộ, 01 thang cuốn và 03 thang máy; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; khu gian hàng; không gian tiệc; bếp; khu nhập hàng; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí không gian tiệc; khu bếp; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 3: Thiết kế bố trí không gian tiệc; khu bếp; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 4: Thiết kế bố trí khu nhà hàng; dịch vụ thương mại; khu vệ sinh

(nam - nữ);...

+ Tầng 5: Thiết kế bố trí khu nhà hàng; dịch vụ thương mại; khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng phương án cọc ép, cọc bê tông ly tâm kích thước tiết diện cọc là D400, cọc BTCT mác 300 đá 1x2; đài cọc BTCT mác 300 đá 1x2, kích thước đài móng là 2.600x3.300, 2.100x2.100,... cao 900; giằng móng BTCT mác 300 đá 1x2, kích thước tiết diện là 330x800,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 600x600, 200x600,...; dầm tiết diện 600x500, 300x500,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 160,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo màu chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Vách thang máy ốp đá tự nhiên hoàn thiện, tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, cửa thép chống cháy sơn tĩnh điện theo yêu cầu kỹ thuật, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật tòa nhà (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

11. Công trình dịch vụ thiết yếu (DV3):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 03 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,15m; chiều cao các tầng: tầng 1 cao 4,2m, tầng 2 ÷ tầng 3 cao 3,9m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 12,35m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 481,50 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 550,00 m², diện tích sàn tầng 3 khoảng 550,00 m²; tổng diện tích sàn công trình

khoảng 1.581,50 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang bộ và 01 thang máy; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; khu gian hàng; khu kỹ thuật; kho; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí khu gian hàng; khu kỹ thuật; kho; khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 3: Thiết kế bố trí cafe; khu kỹ thuật; khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông mác 300 đá 1x2, chiều rộng đáy móng băng là 1.400, 1.200...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 400x400, 200x400,...; dầm tiết diện 300x450, 200x450,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 150,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Vách thang máy ốp đá tự nhiên hoàn thiện, tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, cửa thép chống cháy sơn tĩnh điện theo yêu cầu kỹ thuật, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật tòa nhà (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

12. Công trình công cộng Nhà trẻ (NT-01):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,15m; chiều cao các tầng: tầng 1 ÷ tầng 2 cao 3,9m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ

sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 8,65m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 558,0 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 558,0 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 1.116,0 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang bộ; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Phòng tiếp đón; Phòng y tế; Phòng bếp; Bố trí 03 nhóm trẻ (phòng sinh hoạt chung + ngủ + nhận trẻ + kho + vệ sinh + sân chơi);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí Phòng hiệu trưởng, Phòng hiệu phó; Phòng hành chính; Phòng đa chức năng; Phòng nhân viên; Văn phòng; Phòng giáo dục nghệ thuật và Giáo dục thể chất; Nhận đồ; Giặt + phơi; Kho; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông mác 300 đá 1x2, chiều rộng đáy móng băng là 1.400, 1.200,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 300x300,...; dầm tiết diện 300x500, 200x500,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 120,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt.

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

13. Công trình công cộng Nhà trẻ (NT-02):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,15m; chiều cao các tầng: tầng 1 ÷ tầng 2 cao 3,9m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ

sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 8,85m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 795,0 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 795,0 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 1.590,0 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Phòng tiếp đón; Phòng y tế; phòng Bếp; Bố trí 02 nhóm trẻ (phòng sinh hoạt chung + ngủ + nhận trẻ + kho + vệ sinh + hiên chơi);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí Phòng hiệu trưởng, Phòng hiệu phó; Bố trí 02 nhóm mẫu giáo (phòng sinh hoạt chung + nhận trẻ + kho + vệ sinh + hiên chơi); Phòng hành chính; Phòng đa chức năng; Phòng nhân viên; Văn phòng; Phòng giáo dục nghệ thuật và Giáo dục thể chất; Nhận đồ; Giặt + phơi; Kho; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu: Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 300, chiều rộng đáy móng băng là 1.500, 1.200,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100. Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 300x300, 200x300...; dầm tiết diện 300x500, 200x300...; sàn các tầng bằng BTCT dày 120,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

14. Nhà sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa CC-01):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; chiều cao các tầng: tầng 1 cao 4,05m/tầng, tầng 2 cao 3,5m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 10,3m;

diện tích sàn tầng 1 khoảng 279,81 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 282,42 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 562,23 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; Phòng làm việc; Phòng sinh hoạt chuyên đề; Phòng phát thanh; Phòng kỹ thuật; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí Phòng sinh hoạt cộng đồng; Phòng chuẩn bị; Phòng kỹ thuật; Kho; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông mác 300 đá 1x2, chiều rộng đáy móng băng là 1.400, 1.200,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 300x500, 200x200...; dầm tiết diện 200x350, 200x450,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 120,... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

15. Nhà sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa CC-02):

- Kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; chiều cao các tầng: tầng 1 cao 4,05m/tầng, tầng 2 cao 3,5m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 10,3m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 324,90 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 328,90 m²;

tổng diện tích sàn công trình khoảng 653,8 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

+ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; Phòng làm việc; Phòng sinh hoạt chuyên đề; Phòng phát thanh; Phòng kỹ thuật; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Tầng 2: Thiết kế bố trí Phòng sinh hoạt cộng đồng, Phòng chuẩn bị; Phòng kỹ thuật; Kho; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

- Kết cấu:

+ Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 300, chiều rộng đáy móng băng là 1.400, 1.200,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100;

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 300x500, 220x220...; dầm tiết diện 200x350, 200x450,...; sàn các tầng bằng BTCT dày 120 ... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

- Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

16. Công trình sân chơi thể dục thể thao:

16.1. Công trình sân chơi thể dục thể thao TD-01:

- Nhà lập luyện thể thao:

+ Kiến trúc: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng để trống; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy



hoạch phía trước công trình) là 6,45m; toàn bộ mặt bằng lắp đặt trang thiết bị tập luyện thể thao; diện tích sàn công trình khoảng 146,35 m²;

+ Kết cấu: Phần móng: Sử dụng móng đơn BTCT, bê tông mác 250 đá 1x2, kích thước đáy móng đơn là 1.400x1.400,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100. Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 250 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện D400,...; dầm tiết diện 300x600,...; sàn mái bằng BTCT dày 120;

+ Vật liệu hoàn thiện: Cột, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền nhà lát gạch kích thước 600x600; bậc tam cấp ốp; lát đá Granite; mái dán ngói trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

+ Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ đảm bảo các yêu cầu sử dụng;

- Thiết kế 03 sân cầu lông kích thước mỗi sân khoảng 6,1m x 13,4m; Kết cấu sân cầu lông từ trên xuống gồm các lớp: Sơn Epoxy, bê tông mác 200 đá 1x2 dày 100, lớp nilong ngăn nước, nền đất đầm chặt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

16.2. Công trình sân chơi thể dục thể thao TD-02:

- Nhà lập luyện thể thao:

+ Kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng; cốt nền tầng 1 (cốt ±0.00) cao hơn cốt sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình là 0,45m; chiều cao các tầng: tầng 1 và tầng 2 cao 4,5m/tầng; tổng chiều cao công trình (so với cao độ sân hoàn thiện theo quy hoạch phía trước công trình) là 11,45m; diện tích sàn tầng 1 khoảng 669,19 m², diện tích sàn tầng 2 khoảng 677,99 m²; tổng diện tích sàn công trình khoảng 1.347,18 m²; hệ thống giao thông đứng của công trình bố trí 02 cầu thang bộ; thiết kế bố trí mặt bằng các tầng với công năng chính như sau:

++ Tầng 1: Thiết kế bố trí Sảnh; Phòng gửi mũ áo; Phòng trực bảo vệ; Phòng y tế; Phòng thay đồ trọng tài; Căng tin + Phục vụ; Sân bóng bàn; Thay quần áo vận động viên; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

++ Tầng 2: Thiết kế bố trí Sảnh tầng; Các phòng chức năng; Kho dụng cụ; Phòng trực kỹ thuật; Khu vệ sinh (nam - nữ);...

+ Kết cấu: Phần móng: Sử dụng móng băng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 300, chiều rộng đáy móng băng là 1.600, 1.200,...; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 100. Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ khung bê

tông cốt thép chịu lực; các kết cấu chịu lực của công trình được thi công bằng phương pháp đổ BTCT toàn khối mác 300 đá 1x2; kích thước, tiết diện một số cấu kiện cơ bản như sau: cột tiết diện 400x400,...; dầm tiết diện 400x500, 200x300,...; sàn các tầng BTCT dày 120 ... tùy vị trí; tường xây gạch vữa XM mác 75;

+ Vật liệu hoàn thiện: Tường, trần trát vữa xi măng mác 75, sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà theo chỉ định của thiết kế; nền và sàn các tầng lát gạch kích thước 600x600, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300. Tường vệ sinh ốp gạch kích thước 300x600; bậc sảnh, sảnh, bậc cầu thang ốp, lát đá Granite; trần sử dụng tấm trần thạch cao khung xương thép, trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu ẩm,...; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa khung nhôm kính an toàn, vách kính sử dụng vách khung nhôm kính an toàn, mái lát gạch lá nem KT 300x300 trên lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật;

- Hệ thống kỹ thuật (Cấp điện, chống sét, hệ thống mạng, điều hòa, thông gió, PCCC, cấp nước, thoát nước,...): Thiết kế đồng bộ theo công nghệ đã được lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu sử dụng; thiết kế phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy thẩm duyệt;

- Thiết kế 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo kích thước khoảng 128m x 94m; Kết cấu sân bóng từ trên xuống gồm các lớp: Sợi cỏ nhân tạo, lớp hạt cao su 5kg/m², lớp cát hạt mịn dày 300, lớp đế cỏ, nền đất đầm chặt K=0,95. Thiết kế 02 sân cầu lông kích thước mỗi sân khoảng 6,1m x 13,4m; kết cấu sân cầu lông từ trên xuống gồm các lớp: Sơn Epoxy, bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100, lớp nilong ngăn nước, nền đất đầm chặt;

- Hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ: Chưa có thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân đường nội bộ.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

- Việc lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở cơ bản tuân thủ các quy định liên quan tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Đơn vị tư vấn thiết kế cơ sở, khảo sát địa chất có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; cá nhân chủ trì thiết kế các bộ môn, khảo sát địa chất có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận:

- Về quy hoạch chi tiết xây dựng: Hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND thành phố Uông Bí phê duyệt tại Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 “V/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí” và Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 “V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Về vị trí, địa điểm xây dựng: Thiết kế cơ sở công trình có địa điểm xây dựng cơ bản phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được UBND thành phố Uông Bí phê duyệt;

- Lưu ý: Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình trên ô đất: Kinh doanh dịch vụ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà trẻ, Sân chơi thể dục thể thao đang căn cứ các thông số kỹ thuật (diện tích ô đất, mật độ xây dựng, số tầng công trình) được xác định tại Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thành phố Uông Bí và bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng kèm theo, tuy nhiên Quy hoạch chưa xác định cụ thể thông số kỹ thuật liên quan khác (về chiều cao nền, chiều cao công trình, chiều cao các tầng,...), do đó trước khi triển khai các hạng mục công trình trên ô đất: Kinh doanh dịch vụ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà trẻ, Sân chơi thể dục thể thao của dự án, đề nghị Chủ đầu tư báo cáo cơ quan phê duyệt quy hoạch để được thống nhất đầy đủ các thông số kỹ thuật, phương án kiến trúc các hạng mục công trình.

3. Sự phù hợp với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định:

- Hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh “V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”;

- Lưu ý: Theo chủ trương đầu tư được phê duyệt tại quyết định số Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh “V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí”, xác định tổng diện tích sử dụng đất dịch vụ là 13.719,43m², tuy nhiên Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá (Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh) và Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thành phố Uông Bí) xác định tổng diện tích sử dụng đất dịch vụ là 12.644,48m². Các hạng mục công trình trên đất tại các lô đất TD-01 và TD-02 do Chủ đầu tư đề xuất đầu tư nhưng chưa có trong danh mục công trình theo quy mô dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh “V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự

án: Khu biệt thự Sông Ông tại phường Quang Trung và phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí” (tại Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND tỉnh, trong đó đối với diện tích đất TĐTT, Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, bàn giao cho UBND thành phố Uông Bí và cơ quan liên quan quản lý, sử dụng). Do đó đề nghị Chủ đầu tư báo cáo cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư để xem xét các nội dung nêu trên.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật:

Khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực theo phương án thiết kế là khả thi; trong giai đoạn tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khảo sát hạ tầng hiện trạng (bao gồm cả các công trình ngầm qua dự án nếu có), báo cáo với cơ quan quản lý để bổ sung, hoàn thiện các thủ tục về đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo kết nối đồng bộ hạ tầng dự án với hạ tầng kỹ thuật khu vực, có giải pháp xử lý nếu cần thiết. Lưu ý: Trong bước tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khảo sát chi tiết hạ tầng kỹ thuật hiện trạng (cấp thoát nước, giao thông,...), hiện trạng khu dân cư lân cận, để làm rõ lưu lượng dòng chảy làm cơ sở đề xuất phương án thoát nước cho dự án và phương án thu thoát nước các khu dân cư xung quanh đảm bảo không gây ngập úng và các điều kiện sử dụng của khu dân cư hiện trạng.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng: Phương án thiết kế, giải pháp thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với tính chất và quy mô công trình; tuy nhiên đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn hoàn thiện thuyết minh tính toán kết cấu kè, áo đường,... (lưu ý các vị trí xử lý nền đất yếu,...), tính toán, bổ sung giải pháp thiết kế chi tiết các vị trí chênh lệch cao độ với khu dân cư hiện trạng giáp ranh giới dự án để đảm bảo an toàn khi đưa vào sử dụng; bổ sung thuyết minh tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước, thoát nước mưa, nước thải,..., lưu ý tính toán nhu cầu sử dụng nước (QCXDVN 01:2019/BXD) để làm rõ quy mô, vị trí công trình cấp nước của dự án, trên cơ sở đó tính toán lượng nước thải phát sinh làm cơ sở đề xuất công suất trạm xử lý nước thải; thuyết minh và cơ sở tính toán xác định nhu cầu sử dụng dung lượng số vỉa thông phù hợp với quy mô dự án; thuyết minh tính toán đầy đủ kết cấu các hạng mục công trình trên ô đất Kinh doanh dịch vụ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà trẻ, Sân chơi thể dục thể thao (lựa chọn phương án kết cấu, tiết diện kết cấu, cốt thép,...) cho các cấu kiện đảm bảo chịu lực và an toàn công trình; trên cơ sở hoàn thiện các nội dung trên, Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp, còn thiếu để đảm bảo các yêu cầu sử dụng, an toàn công trình, phù hợp với số liệu khảo sát, tính toán và các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Về phòng cháy, chữa cháy: Dự án thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết

kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy”; đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế PCCC trình Cảnh sát PCCC và CNCH để xin ý kiến tham gia về các nội dung quy định PCCC và gửi về Sở Xây dựng để kiểm tra sự phù hợp với thiết kế trình thẩm định;

- Về bảo vệ môi trường: Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ “Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường”, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường”; Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để đảm bảo đủ điều kiện phê duyệt dự án, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo yêu cầu của báo cáo đánh giá tác động môi trường; trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải tuân thủ đầy đủ các quy định về pháp luật Bảo vệ môi trường và các chỉ đạo của cơ quan chức năng; sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ đầu tư gửi hồ sơ liên quan về Sở Xây dựng để kiểm tra sự phù hợp với thiết kế trình thẩm định.

6. Sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế:

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong thiết kế phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành; thiết kế cơ bản tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

- Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn: Nghiên cứu sử dụng vật liệu xây dựng theo Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng; bổ sung bản vẽ tổng hợp hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án thể hiện khoảng cách đảm bảo thông số tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật theo Bảng 2.31 QCVN 01:2019/BXD; thiết kế một số các hạng mục công trình trong dự án đảm bảo đảm bảo tuân thủ QCVN 10:2014/BXD; khảo sát, nghiên cứu bổ sung thiết kế chống mối công trình theo TCVN 7958:2017; điều chỉnh các chi tiết thiết kế các hạng mục công trình cho phù hợp QCVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe; thuyết minh bố trí nhà trẻ phù hợp TCVN 3907:2011 Trường mầm non - Yêu cầu thiết kế; thiết kế chủng loại cây, lựa chọn các loại cây trồng theo quy định tại Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ và TCVN 9257:2012 Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

7. Ý kiến khác:

- Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế lưu ý một số nội dung để

hoàn thiện hồ sơ thiết kế:

+ Đối với vị trí khai thác đất san nền, đổ thải,... đề nghị Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ thỏa thuận với UBND thành phố Ông Bí để thống nhất, chấp thuận vị trí đảm bảo về vệ sinh môi trường, thực hiện nghĩa vụ thuế, phí,... theo quy định; nghiên cứu kết hợp với các dự án khác có đất thừa trên địa bàn để tận dụng khối lượng đất đá thải và tận dụng đất bùn, đất hữu cơ vào đắp nền lô đất cây xanh để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án hoặc nguồn vật liệu khác trên địa bàn hiện có;

+ Giao thông: Nghiên cứu, khảo sát kết cấu áo đường các dự án đã triển khai của khu vực giáp ranh, hiện trạng các tuyến đường giao thông khác xung quanh dự án để thiết kế đảm bảo cảnh quan chung (Lưu ý: Toàn bộ các tuyến giao thông trong dự án theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định là kết cấu áo đường mềm, tuy nhiên 1/2 tuyến đường đầu nối chính ra QL 18A (khu A) thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Ông Bí đã đầu tư xây dựng là kết cấu áo đường cứng BTXM). Trục giao thông đối ngoại của dự án kết hợp với tuyến đường thuộc dự án Dự án Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Ông Bí đầu nối với tuyến đường quốc lộ, đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị đang triển khai dự án nêu trên để thực hiện thủ tục điểm đầu nối dự án với tuyến đường quốc lộ theo quy định;

+ Cấp, thoát nước: Đối với hệ thống cấp nước, đề nghị bổ sung thông số về áp lực, nhu cầu sử dụng nước, lưu lượng nước của tuyến ống hiện trạng tại vị trí đầu nối làm cơ sở xác định, lựa chọn mạng lưới cấp nước, tiết diện các tuyến ống cho phù hợp; trường hợp áp lực nước tại vị trí đầu nối không đảm bảo cấp nước đến các vị trí bất lợi của dự án theo quy định, đề nghị nghiên cứu giải pháp khắc phục. Đối với hệ thống thoát nước thải, đề nghị bổ sung hoàn thiện thiết kế trạm xử lý nước thải đảm bảo, phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng (các hạng mục công trình của trạm xử lý, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước nội bộ, hệ thống cây xanh cách ly,...); thuyết minh tính toán lựa chọn trạm xử lý, công suất trạm xử lý, xác định quy mô từng hạng mục công trình trong dây chuyền xử lý và hiệu quả xử lý từng thành phần nước thải của hệ thống đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn xả ra môi trường theo quy định, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm việc đảm bảo chất lượng hệ thống, chất lượng nước sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lựa chọn hệ thống công nghệ; nghiên cứu bổ sung bơm chuyển cấp thu gom nước thải (nếu cần). Đối với hệ thống thoát nước mưa, đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn nghiên cứu xác định mức ngập nước các cửa xả và ngập vào cống trong điều kiện bất lợi để lựa chọn phương án thoát nước cho phù hợp; Chủ đầu tư phối hợp với UBND thành phố Ông Bí, các đơn vị liên quan để thống nhất phương án cải tạo, sử dụng đất và thiết kế giao cắt của hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong dự án với Tuyến mương thủy lợi, đầu nối hoàn trả Tuyến mương thủy lợi, đảm bảo phù hợp quy hoạch được duyệt, vệ sinh môi trường cho nguồn nước và

cảnh quan môi trường chung của dự án;

+ Cây xanh: Bổ sung thuyết minh thông số kỹ thuật đối với cây trồng, quy cách trồng và bảo dưỡng cây xanh, bảng tổng hợp thông kê cây trồng; kiểm tra rà soát lại các loại cây để đảm bảo phù hợp với thổ nhưỡng tại dự án; bố trí khoảng cách cây trồng phù hợp với chủng loại cây theo quy định tại Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị”, Văn bản số 13/SXD-HTKT&PTĐT ngày 02/01/2018 của Sở Xây dựng “V/v hướng dẫn trồng cây xanh trong các khu vực của công trình kiến trúc và khu đô thị”, đảm bảo an toàn cho công trình hạ tầng kỹ thuật, mỹ quan đô thị.

+ Các hạng mục công trình Nhà ở thấp tầng: Bổ sung mặt bằng định vị công trình gắn cụ thể tọa độ định vị ứng với mỗi mẫu công trình, lồng ghép chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch làm cơ sở xác định mốc giới ô đất, ranh giới xây dựng; bổ sung ghi chú đầy đủ vật liệu hoàn thiện công trình; thiết kế chống thấm vị trí tiếp giáp giữa 02 nhà liền kề; thiết kế hệ thống bể (bể nước ngầm, bể tự hoại), cống, hàng rào, sân nội bộ cho mỗi công trình để đảm bảo yêu cầu sử dụng;

+ Các hạng mục công trình trên ô đất Kinh doanh dịch vụ, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà trẻ, Sân chơi thể dục thể thao của dự án: Thiết kế mặt bằng định vị công trình (bổ sung định vị, chỉ giới, ranh giới tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt,...); bổ sung đầy đủ các giải pháp kỹ thuật cần thiết cho công trình (chống thấm mái, sê nô thu nước, khu vệ sinh, thiết kế PCCC,...); lưu ý thiết kế các giải pháp xử lý nước thải cục bộ cho mỗi công trình trên ô đất Kinh doanh dịch vụ đảm bảo nước thải phải đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn nước theo QCVN 14:2008/BTNMT; bổ sung thuyết minh thiết kế cơ sở lựa chọn thông số hệ thống cấp điện, điều hòa không khí, cấp, thoát nước,...; bổ sung giải pháp thiết kế hạ tầng ngoài nhà và sân đường nội bộ đối với mỗi công trình đảm bảo yêu cầu sử dụng, đáp ứng mỹ quan đô thị;

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lưu ý khảo sát các công trình ngầm và nổi trong khu vực dự án (nếu có) để có phương án xử lý cần thiết, đảm bảo quy định hiện hành; trước khi thi công một số đoạn tuyến hạng mục công trình không nằm trong ranh giới giao đất dự án và ranh giới quy hoạch xây dựng để khớp nối, đồng bộ hạ tầng xung quanh (nếu có), đề nghị Chủ đầu tư báo cáo UBND thành phố Ông Bí để được giao mặt bằng thi công, chấp thuận biện pháp thi công và hoàn trả mặt bằng, công trình phù hợp với quy định. Chủ đầu tư rà soát, bổ sung và cập nhật đầy đủ các thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật, đấu nối giao thông,... theo yêu cầu của cơ quan quản lý trong bước tiếp theo để phục vụ thiết kế (hướng tuyến, giải pháp kết nối, vị trí đấu nối, cao độ, khẩu độ,...) phù hợp hiện trạng, nội dung thỏa thuận; trước khi thực hiện kết nối hạ tầng cần kiểm tra hiện trạng, đảm bảo khớp nối và đáp ứng được khả năng tiếp nhận với hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, kiểm tra cao độ nền phù hợp với các dự án xung

quanh, tuyến đường giao thông dự án xung quanh, khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật bên ngoài ranh giới dự án, đảm bảo thoát nước chung tránh gây úng ngập;

- Phân cấp điện, điện chiếu sáng đề nghị thực hiện theo kết quả thẩm định của Sở Công thương;

- Đề nghị Chủ đầu tư căn cứ các quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng theo quy định tại Luật số 62/2020/QH14, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định liên quan để thực hiện thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế sau thiết kế cơ sở theo thẩm quyền của Chủ đầu tư;

- Chủ đầu tư chỉ được khởi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện theo quy định tại Luật số 62/2020/QH14 (trường hợp khởi công xây dựng không đủ điều kiện theo quy định, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo các quy định pháp luật có liên quan); có biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho các hạng mục công trình theo thiết kế và an toàn cho hạ tầng kỹ thuật các công trình lân cận; đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định. Trong quá trình thi công xây dựng công trình phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/03/2017 của Bộ Xây dựng “Quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình” và QCVN 18:2014/BXD “Về an toàn xây dựng”.

V. KẾT LUẬN

- Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu biệt thự Sông Ưông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Ưông Bí. Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định tại Văn bản này.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở công trình đủ điều kiện phê duyệt sau khi hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và được Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định.

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ lưu trữ về Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLXD₉.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hà